

Phong Tục Tập Quán

12 Lễ tết cổ truyền

1. Tết Nguyên Đán

Một năm, người Việt có nhiều lễ, tết, riêng Tết Nguyên Đán (đúng mùng một tháng giêng âm lịch) là ngày tết lớn nhất nên còn được gọi là tất cả. Đây là thời điểm kết thúc mùa màng, mọi người rảnh rỗi nghỉ ngơi vui chơi, thăm viếng lẫn nhau... và cũng là lúc giao thời của đông tàn xuân tới.

Theo phong tục cổ truyền VN, Tết Nguyên Đán trước hết là tết của gia đình. Chiều 30 tết, nhà nhà làm lễ cúng "rước" gia tiên và gia thần, thể hiện tình cảm uống nước nhớ nguồn. Trong 3 ngày tết diễn ra 3 cuộc gặp gỡ lớn ngay tại một nhà.

Thứ nhất là cuộc "gặp gỡ" của các gia thần: Tiên sư hay Nghệ sư - vì tổ đầu tiên dạy nghề gia đình mình đang làm. Thổ công - thần giữ đất nơi mình ở và Táo quân - thần coi việc nấu ăn của mọi người trong nhà.

Thứ hai là cuộc "gặp gỡ" tổ tiên, ông bà... những người đã khuất. Nhân dân quan niệm hương hồn người đã khuất cũng về với con cháu vào dịp Tết.

Thứ ba là cuộc gặp gỡ của những người trong nhà. Như một thói quen linh thiêng và bền vững nhất, mỗi năm tết đến, dù đang ở đâu làm gì... hầu như ai cũng mong muốn và cố gắng trở về đoàn tụ với gia đình.

2. Tết Khai hạ

Theo cách tính của người xưa, ngày mùng Một tháng Giêng ứng vào gà, mùng Hai - chó, mùng Ba - lợn mùng, Bốn - dê, mùng Năm - trâu, mùng Sáu ngựa, mùng Bảy - người, mùng Tám - lúa. Trong 8 ngày đầu năm cũ, ngày nào sáng sủa thì coi như giống thuộc về ngày ấy cả năm được tốt. Vì vậy, đến mùng Bảy, thấy trời tạnh ráo thì người ta tin cả năm mọi người sẽ gặp may mắn, hạnh phúc.

Mùng Bảy kết thúc Tết Nguyên Đán thì cũng là lúc bắt đầu Tết Khai hạ - Tết mở đầu ngày vui để chào mùa Xuân mới.

3. Tết Thượng nguyên

Tết Thượng nguyên (Tết Nguyên tiêu) vào đúng rằm tháng Giêng-ngày trăng tròn đầu tiên của năm. Tết này phần lớn tổ chức tại chùa chiền vì Rằm tháng Giêng còn là ngày vía của Phật tổ. Thành ngữ: Lễ Phật quanh năm không bằng Rằm tháng Giêng" xuất phát từ đó. Sau khi đi chùa, mọi người về nhà họp mặt cúng gia tiên và ăn cỗ.

4. Tết Hàn thực

"Hàn thực" nghĩa là ăn đồ nguội. Tết này, vào ngày mùng Ba tháng Ba (âm lịch).

Thời Xuân Thu ở Trung Quốc, Công tử Trung Nhĩ (về sau là vua Tấn Văn Công) khi gặp cảnh loạn lạc, đói quá, được Giới Tử Thôi cắt thịt đùi mình nấu dâng cho ăn. Sau 19 năm phiêu bạt, Trung Nhĩ lại trở về nắm giữ vương quyền nước Tấn. Vua ban thưởng cho tất cả những người đã cùng mình nếm mật nằm gai, nhưng lại quên mất Tử Thôi! Tử Thôi đưa mẹ vào sống ở núi Điền. Lúc vua nhớ ra, cho người tới mời mà không được. Vua sai đốt rừng để Tử Thôi phải ra. Nhưng Tử Thôi không chịu và hai mẹ con cùng chết cháy! Đau xót, vua sai lập miếu thờ trên núi. Hôm ấy đúng ngày mùng Ba tháng Ba.

Người đời thương Tử Thôi nên mỗi năm, đến ngày đó thì kiêng đốt lửa mà chỉ ăn đồ nguội đã nấu sẵn.

Từ thời Lý (1010 - 1225) nhân dân ta đã tiếp nhận Tết này và thường làm bánh trôi, bánh chay để thay cho đồ nguội.

Nhưng mục đích chủ yếu là để cúng gia tiên chứ ít ai rõ chuyện Giới Tử Thôi! Hiện nay, Tết này vẫn còn đậm nét ở miền Bắc, nhất là tại các vùng thuộc tỉnh Hà Tây.

5. Tết Thanh Minh

"Thanh Minh trong tiết tháng Ba
Lễ là tảo mộ, hội là đạp thanh"
(truyện Kiều)

"Thanh Minh" có nghĩa là trời trong sáng. Nhân có người ta đi thăm mộ mả của những người thân. Tết Thanh minh - thường vào tháng Ba âm lịch - trở thành lễ tảo mộ. Đi thăm mộ, nếu thấy cỏ rậm thì phát quang, đất khuyết lở thì đắp lại cho đầy... rồi về nhà làm cỗ cúng gia tiên.

6. Tết Đoan ngo

Tết Đoan ngo (Tết Đoan dương) vào mừng Năm tháng Năm (âm lịch).

Khuất Nguyên - nhà thơ, một vị trung thần - do can ngăn vua Hoài Vương không được, đã uất ức gieo mình xuống sông Mịch La tự vẫn. Hôm ấy đúng là mừng Năm tháng Năm. Thương tiếc người trung nghĩa, mỗi năm cứ đến ngày đó, dân Trung Quốc xưa lại làm bánh, quán chỉ ngũ sắc bên ngoài (ý làm cho cá sợ, khỏi đớp mất) rồi bơi thuyền ra giữa sông, ném bánh xuống cúng Khuất Nguyên. Ở Việt Nam, ít người biết chuyện Khuất Nguyên, mà chỉ coi mừng Năm tháng Năm là "Tết giết sâu bọ"- vì trong giai đoạn chuyển mùa, chuyển tiết, dịch bệnh dễ phát sinh. Vào ngày này, dân gian có nhiều tục trừ trùng phòng bệnh. Lấy lá ngải cứu (một vị thuốc Nam), năm nào thì kết hình con vật tượng trưng năm đó (năm Thân - kết con khỉ và gọi là Hầu Tử, năm Dần - kết con cọp và gọi là Ngài Hổ...) treo lên giữa nhà để trừ tà. Về sau, khi có bệnh, lấy lá đó sắc làm thuốc. Lại có tục đi hái lá thuốc mỏng năm (ích mẫu, mâm xôi, cối xay, vối) sắc uống vào giờ Ngọ, còn để dành nấu uống quanh năm.

7. Tết Trung nguyên

Tết Trung nguyên vào Rằm tháng Bảy. Người xưa tin theo sách Phật, coi hôm ấy là ngày vong nhân được xá tội, ngày báo hiếu cha mẹ... nên tại các chùa thường làm chay chẩn tế và cầu kinh Vu lan. Vào ngày Rằm tháng 7 âm lịch có 2 ngày lễ cúng:

- Lễ cúng được truyền tụng lâu đời trong dân gian: "Tháng 7, ngày rằm xá tội vong nhân" (tha tội cho tất cả người chết), nhiều người gọi là cúng cô hồn các đẳng. Quan niệm dân gian cho rằng đây là lễ cúng những linh hồn vất vờ lang thang không nơi nương tựa, không còn người thân ở trần gian để thờ phụng hoặc thất lạc, hoặc vì một oan khiên nào đó...

- Cũng ngày Rằm tháng Bảy còn có lễ Vu lan, xuất phát từ tích truyện Đại Mục Kiền Liên. Vu lan được coi là lễ cầu siêu giải thoát cho ông bà cha mẹ bảy đời, xuất phát từ lòng báo hiếu. Trong những năm gần đây, trong lễ Vu lan còn có tục "Bông Hồng cài áo" thể hiện lòng hiếu thảo của con đối với cha mẹ.

8. Tết Trung thu

Tết Trung thu vào Rằm tháng Tám. Trung thu là tết của trẻ con nhưng người lớn cũng nhân đây mà họp mặt, uống rượu, uống trà, ngắm trăng... Thường ban ngày người ta làm lễ cúng gia tiên, tối mới bày hoa quả, bánh kẹo, chè cháo để trẻ con vui chơi, phá cỗ, trông trăng, rước đèn...

9. Tết Trùng cửu

Mùng Chín tháng Chín (âm lịch) là Tết Trùng cửu. Tết này bắt nguồn từ sự tích của đạo Lão. Thời Hán, có người tên gọi là Hoàn Cảnh, đi học phép tiên. Một hôm thầy bùa Hoàn Cảnh khuyên mỗi người trong nhà nên may một túi lụa đựng hoa cúc, rồi lên chỗ cao mà trú ngụ. Quả nhiên, ngày Chín tháng Chín có lụt to, ngập hết làng mạc. Nhờ làm theo lời thầy, Hoàn Cảnh và gia đình thoát nạn.

Từ xưa, nho sĩ nước ta đã theo lễ này, nhưng lại biến thành cuộc du ngoạn núi non, uống rượu cúc - gọi là thưởng Tết Trùng dương.

10. Tết Trùng thập

Đây là Tết của các thầy thuốc. Theo sách Dược lễ thì đến ngày Mười tháng Mười, cây thuốc mới tụ được khí âm dương, mới kết được sắc tứ thời, trở nên tốt nhất. Ở nông thôn Việt Nam, đến ngày đó người ta thường làm bánh dày, nấu chè kho để cúng gia tiên rồi đem biếu những người thân thuộc chứ không quan tâm mấy đến chuyện cây thuốc, thầy thuốc!

11. Tết Hạ nguyên

Tết Hạ nguyên (Tết Com mới) vào Rằm hay mừng Một tháng Mười. Ở nông thôn, Tết này được tổ chức rất lớn vì đây là dịp nấu cơm gạo mới - trước để cúng tổ tiên, sau để tự thưởng công cày cấy.

12. Tết Táo quân

Tết Táo quân vào ngày 23 tháng Chạp - người ta coi đây là ngày "vua bếp" lên châu Trời để tâu lại việc bếp núc, làm ăn, cư xử của gia đình trong năm qua.

Theo truyền thuyết, xưa có hai vợ chồng nghèo khổ quá, phải bỏ nhau. Sau đó, người vợ lấy được chồng giàu. Một hôm, đang đốt vàng mã ngoài sân, thấy một người vào ăn xin, nhận ra chính là chồng cũ nên người vợ động lòng, đem cơm gạo, tiền bạc ra cho. Người chồng mới biết chuyện, nghi ngờ vợ. Người vợ đâm khó xử, lao vào bếp lửa tự vẫn. Người chồng cũ nặng tình, cũng nhảy vào lửa chết theo. Người chồng mới ân hận, đâm đầu vào lửa nốt! Trời thấy ba người đều có nghĩa nên phong cho họ làm "vua bếp". Từ

tích đó mới có tục thờ cúng "Táo quân" và trong dân gian có câu: "Thế gian một vợ một chồng, không như vua bếp hai ông một bà"õ. Ngày nay cứ đến phiên chợ 23 tháng Chạp hàng năm, mỗi gia đình thường mua hai mũ ông, một mũ bà bằng giấy và 3 con cá làm "ngựa" (cá chép hóa rồng) để Táo quân lên chầu trời. Sau khi cúng trong bếp, mũ được đốt và 3 con cá chép được mang thả ở ao, hồ, sông...

Tết nông nghiệp của người Khmer Nam Bộ

Ngoài Tết mừng năm mới "Chôl Chnăm Thmây" tương tự như Tết Nguyên đán của người Việt, người Khmer Nam bộ còn ăn "Tết nông nghiệp".

Để thuận tiện cho việc tương trợ nhau, người Khmer quần cư thành những xóm nhỏ, gọi là phum, đông hơn thì kêu là Sốc (srok), thường xen kẽ với cộng đồng người Việt. Nền văn hóa tuyệt vời của người Khmer đã nảy nở giữa lòng phum sốc, gắn với những ngôi chùa hết sức thiêng liêng - một công trình kiến trúc mỹ thuật chạm trổ khéo léo, rất đặc trưng, được xem là "trái tim của người Khmer Nam bộ". Chính chùa chiền, phum sốc là môi trường giúp họ bảo tồn và phát huy tốt vốn văn hóa dân tộc, thông qua các lễ hội truyền thống dân gian.

Một trong những lễ hội chính của người Khmer Nam bộ là lễ hội Oóc ăm bok, còn gọi "lễ cúng trăng" hay "lễ đút cốm dẹp". Do đặc điểm nhất định của nó, ta có thể xem đây là "Tết nông nghiệp", gắn liền với phương thức sản xuất chính của họ, đó là trồng lúa nước.

Theo cách ghi nhận của Hôna, vào lúc 0 giờ đêm rằm tháng 10, bóng của cây trụ trồng thẳng đứng trước sân không xê dịch một bên. Đó là thời điểm kết thúc chu kỳ của mặt trăng quay quanh trái đất. Một "năm cũ nông nghiệp" đã đi qua, bàn giao cho năm mới. Đó là dịp để bà con tạ ơn Thần Trăng, vị thần luôn lo việc thời tiết giúp bà con trồng trọt được mùa.

Trong những ngày lễ hội tung bừng này, về phần lễ trước hết là những lễ vật truyền thống gồm các đặc sản nông nghiệp như lúa, nếp, khoai, bắp hoặc trái chín đầu mùa mới thu hoạch, được chế biến thành nhiều thức ngon, dâng lên. Trong đó cốm dẹp là thức truyền thống không thể thiếu.

Tất cả được đem trưng bày trên một cái bàn nhỏ ngoài sân, nơi trống trải để Thần Trăng "thấy" mà chứng giám. Mọi người chắp tay thành kính, ngược nhìn Trăng, khẩn vái với những lời lẽ tạ ơn

Lễ cưới ở vùng cao

Mùa xuân, có dịp lên vùng cao thăm đồng bào Ê-Đê, bạn sẽ cảm nhận được nhiều điều thú vị. Ví như "lễ" cưới hỏi của trai gái thuộc dân tộc này.

Người Ê-Đê có một cách làm đẹp riêng. Trai gái đến tuổi trăng rằm - 15, 16 tuổi - phải cà 6 chiếc răng cửa của hàm trên. Đây là tục lệ bắt buộc, không bạn trẻ nào có thể chối từ. Một chiếc vòng tay được xem như "giấy chứng nhận", trao cho bạn trẻ vừa cà răng xong, và từ đó họ có quyền tự do "tìm hiểu".

Dân tộc này có tục ở rể. Các cô gái phải tự đi kiếm chồng và chịu phí tổn toàn bộ tiền cưới. Một cô gái đã "nhầm" một chàng trao nào đó, thì nhờ ông "mối" đem chiếc vòng đồng sang nhà trai để hỏi chồng. Chàng trai thấy "ưng bụng" thì sờ tay vào chiếc vòng đồng ấy, rồi làm lễ nhận vòng. Vậy là, sự "ràng buộc" giữa hai nhà đã có sợi dây thân thiết. Để tìm hiểu cô dâu được kỹ càng, nhà trai có thể "đem" cô gái về ở nhà mình.

Tổ chức lễ cưới ở họ nhà gái. Tất nhiên phải có lợn và rượu. Con lợn được mổ để lấy máu thoa vào chân cô dâu, chú rể, rồi cúng tổ tiên cầu cho hai trẻ được sống hạnh phúc. Tiếp đó, ông "mối" xúc cho cô, cậu mỗi người hai miếng cơm và ba chén rượu. Tất cả mọi người có mặt đều ăn một miếng thịt và một miếng ruột lợn. Ông trưởng họ cầm chiếc vòng đồng, cô dâu, chú rể sờ tay vào chiếc vòng đó, "tiết mục" này kết thúc lễ cưới.

Sau ba ngày, đôi bạn trẻ về nhà chồng lấy các thứ tư trang, dụng cụ sản xuất về nhà gái, để vợ chồng cùng làm ăn. Người Ê-Đê coi ngoại tình là một tội nặng, vì sự việc không đẹp này gây nên mùa màng bị thất thu cho cả buôn làng. Bởi vậy, kẻ ngoại tình phải phạt một con lợn trắng, hai cái bát đồng, để làm lễ tế đất. Tế xong, bắt hai người trích máu ở đầu ngón tay để uống, rồi xuống suối tắm cho sạch.

Rời bản làng người Ê-Đê, mời bạn lên vùng cao phía Bắc, thăm bà con dân tộc La Hủ thuộc tỉnh Lai Châu. Tục lệ cưới xin ở đây có nét đẹp riêng. Tháng 11, 12 hàng năm - là dịp Tết của người La Hủ - cũng là mùa cưới của các đôi trai gái yêu nhau. Chàng trai tìm hiểu cô gái, đã tới độ "chín muồi", anh có thể tới nhà cô gái ngủ một vài tối. Tục lệ cho phép anh, chị có thể ngủ chung giường.

Lễ na-nhí, tức lễ dạm hỏi như vùng xuôi, thường vào buổi tối. Ông "mối" cùng bố mẹ và anh em nhà trai sang nhà gái để "có lời". Lễ vật là rượu và một thứ "quà quý" của rừng - ("quà quý" này nhất thiết phải có thịt sóc rừng). Qua trò chuyện, nhà gái thấy bằng lòng thì hai bên cùng uống rượu, nhắm thịt sóc.

Sau lễ dạm là lễ hỏi, hai lễ này cách nhau khoảng bảy, tám ngày. Theo tục lệ, lễ hỏi gồm hai chai rượu và số con sóc phải là số chẵn chứ không được số lẻ, chừng 6 đến 8 con. Nhà trai phải "tuân theo" số lượng con sóc của nhà gái: 6 hoặc 8 con, vì theo lệ từ xưa, số sóc không được ít hơn 4 nhưng cũng không được nhiều hơn 8. Người làm mối trong lễ hỏi còn là người "đầu bếp", tự tay làm thịt sóc, trình bày các món ăn này sao cho ngon để mời nhà gái.

Trong khi ăn uống vui vẻ hai bên trao đổi về tiền cưới và thời gian ở rể. Ngày xưa, tiền cưới khá "nặng túi": những 70 đến 80 đồng bạc trắng. Trường hợp nhà rể nghèo, không có bạc trắng, thì anh phải ở lại làm rể ngay tối hôm đó. Thời gian ở rể bây giờ rút xuống còn từ 2 đến 4 năm, thời trước từ 8 đến 12 năm.

Nếu lễ ăn hỏi có số con sóc phải chẵn, thì lễ cưới quy định: đoàn đi đón dâu phải là số lẻ, trong đó có hai ông "mối" và chàng rể. Khi nhà trai đón dâu đi, ông "mối" trao tiền cưới cho nhà gái. Trên đường đi, dù có nhớ bố mẹ, cô dâu cũng không được ngoảnh lại nhìn ngôi nhà cô sinh ra và lớn lên, vì nếu vấp ngã, e sau này vợ chồng có chuyện cãi cọ không hay.

Rước dâu về đến nhà, bà mẹ chồng đã đứng đợi ở cửa. Bà lấy một nắm gạo xoa lên lưng con dâu, ngụ ý "xoa hết cỏ để con dâu không mang cỏ về, trên nương sẽ không có nhiều cỏ mọc". Lại còn tục lệ: bà mẹ chồng trồng hai cây riêng ở hai bên cửa vào nhà, rồi buộc sợi chỉ trắng qua hai cây riêng. Lúc vào nhà, cô dâu đi phía tay trái, chú rể đi phía tay phải, rồi chú rể dùng tay trái, cô dâu dùng tay phải "cắt" đứt sợi chỉ đó, bước vào nhà. Xong thủ tục này hai họ cùng nâng chén chúc những câu tốt lành và ăn uống vui vẻ.

Đi thăm đất nước vào dịp xuân về, các bạn sẽ có được nhiều thú vui, nhiều điều bổ ích.

Tết và hội tết

Tết về có bao lễ tiết, bao phong tục, bao điều vui, cũng có biết bao trò chơi lý thú nhằm nhắc lại lịch sử làng xóm: rèn luyện thân thể, thi thố tài năng, trí thông minh và đức tính nhẫn nại, kiên trì khắc phục khó khăn, vốn là đức tính của người Việt Nam xưa và nay.

Bao hội thi được mở ra trong những ngày đầu, tuần đầu, tháng đầu của mùa xuân đẹp nhất trong một năm.

Từ hội thổi cơm thi...

Thổi cơm thi là một phong tục có từ lâu đời và khá phổ biến ở làng quê Việt Nam trước đây.

Vào các dịp hội xuân hàng năm, nhân dân thường tổ chức trò vui thổi cơm thi khác nhau. Ở những làng cạnh sông nước thì thổi cơm thi trên thuyền thúng, gió thổi tứ bề ngồi bập bênh trên nước. Có nơi vừa đi vừa thổi, hoặc vừa dỡ trẻ em đun nồm ướn, được cơm chín, dẻo ngon mới giành được giải thưởng.

Muốn có nồi cơm sôi rồi chín, phải có chất đốt tốt cho đượm ngọn lửa. Do đó cuộc thi còn gây thêm khó khăn về chất đốt. Ở huyện Từ Liêm xã Nghĩa Đô (xưa), bắt dùng mía tươi làm củi, người thi phải ăn mía lấy bã mà nấu cơm.

Tại Tây Mỗ, hàng năm có thi thổi cơm theo kiểu vừa đi, vừa nấu. Bất kể nam, nữ, người dự thi có cành tre dẻo như cần câu, buộc chặt ra đằng sau lưng, vắt đầu mềm ra đằng trước để buộc quanh nồi đã có sẵn gạo, nước, người dự thi mang theo hai thang gang hoặc nửa khô để kéo lửa và một bùi nhùi rơm nhỏ để tiếp lửa. Cả hội đứng sẵn trước vạch vôi xuất phát, trước ngực lủng lẳng quang nồi. Một hồi trống chuẩn bị. Mọi người tước mía, nhá kỹ cho khô thành củi, đợi dứt hồi trống thứ hai thì nổi lửa nấu cơm và đi tới đích, không được dừng lại. Qua mỗi bước đi, nồi gạo lại rung rinh, ngọn lửa bị gió tắt, phải khôn khéo lựa bề che đậy. Ai vừa đi vừa nấu, tới đích sớm nhất, cơm vừa chín tới ngon dẻo thì được trao giải.

Tương truyền: Lối thổi cơm thi này nảy sinh từ thời An Dương Vương trong hoàn cảnh vừa hành quân cấp tốc, vừa phải nấu cơm ăn.

Ở Tây Tựu có năm vừa thi thổi cơm trên thuyền vừa thi thổi cơm trên cạn, rất sôi nổi nhộn nhịp.

Thổi cơm thi cũng là một hình thức thể thao dân tộc, vui nhộn có ý nghĩa nhiều mặt ở các vùng quanh Thăng Long.

... Và Hội đâm đuống.

Đâm đuống được tổ chức chủ yếu vào dịp tết Nguyên Đán.

Đâm đuống thực chất là hình thức giã gạo, nhưng là giã gạo trong hội lễ, có tính tổ chức và nghệ thuật.

Đồng bào Mường (Vĩnh Phú) giã gạo bằng cối gỗ hình chiếc thuyền, lườn dài từ hai tới ba sải tay, chiếc chày giã cũng dài như đòn gánh, giữa thân thon để vừa tay cầm. Đâm đuống hội lễ là giã gạo chày tay vào cối đuống và chỉ do phụ nữ biểu diễn. Cả làng cùng giã, nhưng nhà nào giã ở nhà ấy.

Mở đầu, một bà nhiều tuổi nhất trong nhà đứng đầu cối, giã ba tiếng để mở màn, thành ba tiếng "Kênh, kênh, kinh". Nghệ thuật ở đây là làm sao giã thành ba âm thanh như trên. Chày người già khai mạc như thế gọi là "Chày cái". Sau đó đến con gái, cháu gái trong nhà giã, gọi là "chày con", "chày cháu".

Trong nhà có bao nhiêu phụ nữ là phải chuẩn bị bấy nhiêu cái chày và đủ số cụm lúa mà vẫn giữ đúng nhịp điệu, hòa âm nhịp nhàng cùng hàng trăm chày khác. Vì âm thanh cối đuống là "kênh, kênh, kinh" nên đồng bào bảo rằng đó là cối đuống hát "vui xuân mới, vui xuân mới", hoặc "cơm cơm trắng, cơm cơm trắng".

Theo nhịp tay đâm đuống mau hay chậm mà tiếng chày chuyển điệu sang những âm thanh khác nhau có nhịp hai xen nhịp ba, nhịp một xen nhịp ba... Khi đôi nhịp, là tất cả từng ấy chày trong thôn đều cùng đổi, chẳng hạn: "kênh, kinh, kênh kinh" hay "kênh kênh kinh, kênh kinh", "kinh kinh, kinh kinh".

Đâm đuống thật sự là một cuộc hòa nhạc bằng cối giã có động tác múa đơn giản. Vì ở đây động tác giã đã được nghệ thuật hóa nhằm làm đẹp, mua vui chứ không mang ý nghĩa thực dụng như giã gạo ngày thường.

Đồng bào còn gọi đâm đuống là "chàm đuống". Chàm là đâm từ trên xuống.

Phong tục Tết ở miền Nam xưa và nay

Ở miền Nam trước đây thông thường người ta chuẩn bị tết từ rất sớm. Mỗi gia đình nông dân đều có dành một thửa ruộng trên khu đồng của mình cấy một giống nếp ngon thêm để đồ xôi, làm bánh. Khi những đé lúa nếp bắt đầu lấm tấm những hạt đỏ ở đuôi (chưa chín già) nhà nào cũng chọn cắt ít bó về đảm cơm đẹp. Trong những đêm đầu tháng chạp, khắp xóm thôn đâu đâu cũng rộn ràng tiếng chày giã cối "cúp cum" nghe rất vui tai.

Khi mùa màng thu hoạch xong thì không khí tết ở thôn làng rộn lên trong tiếng chày quét bánh phồng. Loại bánh này làm bằng gạo nếp nấu chín bỏ vào cối giã như giã giò, quét cho thật nhuyễn, rồi ngắt từng viên cỡ nắm tay dùng ống tre xoa mỡ cán mỏng ra thành hình tròn như chiếc bánh đa nem, dày độ một ly. Gọi là bánh phồng, vì khi để trên lửa nướng nó phồng tướng lên cả chiều dày lẫn vòng tròn. Chiếc bánh mỏng như chiếc đĩa ấy, khi nướng chín nó nở to bằng cái chậu thau rửa mặt và chiều dày phồng lên hơn một phân tây. Người ta còn phơi những nong bột nếp phơi khô để dành gói bánh ếch.

Ở miền Nam, bắt đầu từ hai mươi tháng chạp ta, khắp nơi mở những phiên chợ Tết cho đến giao thừa đêm ba mươi. Quầy hàng hoa tươi, rau quả, bánh mứt, vải vóc, thịt cá... đều trang hoàng hấp dẫn. Nhưng đông vui nhất phải nói là chợ dừa. Tại các chợ, thuyền chở dừa đổ lên chất thành đống như núi. Nổi tiếng nhất là dừa Trảng Bàng, Trà Vinh... Bỏ quả dừa ra, ruột đỏ như son, hạt đen huyền nhỏ rít, thịt óng ánh như hạt đường kính, ăn ngọt tê cả răng. Người ta mua dừa về trước để cúng tổ tiên ngày tết trên bàn thờ nhà nào cũng thấy hai quả dừa hấu to cỡ quả ấu tích. Người ta dán lên lớp vỏ xanh mượt của mỗi quả một miếng giấy hồng điều cắt thành hình bông hoa xinh xắn, và đặt nó ngồi chễm chệ giữa mấy nải chuối chín vàng tươi xếp vây tròn quanh một chiếc đĩa bằng sứ màu trắng. Mỗi quả dừa đội trên đầu một trái hồng khô ép dẹp như trum lên chiếc mũ nổi màu xám. Người ta còn đặt lên trên cùng, một quả quýt đỏ mọng, giống như cái mào gà ngất ngưỡng. Cạnh hai trái dừa, bắt buộc phải có hai bánh đường phổi. Đường phổi không phải là đường mà là một thứ quả ngọt chế tạo bằng đường cát và lòng trắng trứng gà. Hình bánh đường ấy giống hệt một lá phổi người và bên trong có nhiều lỗ hồng cũng như phổi người.

Đường ấy cứng như đá, để cả năm cũng không chảy nước và chỉ đập ra cho trẻ con ăn chơi sau tết, mặc dầu dùng đường này nấu chè thì rất ngon. Có nhà bày mâm ngũ quả, mà nhiều khi số trái cây lại vượt quá con số năm. Người ta chú ý đến bốn thứ trái cây: măng cầu, dừa, đu đủ, xoài, mà theo cách phát âm miền Nam hiểu là "cầu vừa đủ xài".

Cũng có nhà đĩa trái cây, dưới hết là năm nải chuối, bắt buộc là chuối sứ, không phải nghi lễ nào cả, mà vì chuối sứ chín rất chậm, sau ba ngày tết chuối vẫn còn chưa rục. Trên chuối phải có hai món bắt buộc nữa, không biết lý do, là cam Tàu, loại cam mà Âu châu không gọi là Orange mà gọi là Tangerine và hồng phơi khô, cả hai thứ này đều là hàng nhập cảng từ Trung Quốc gói sang, vào dịp Tết ta, còn ngày thường thì xưa kia không bao giờ có bán như sau này.

Gần đến tết, người ta sắm tranh Tết, hoa Tết, thường có cảnh mai cắm trên lọ độc bình trên bàn thờ và trang hoàng từ trong nhà đến ngoài ngõ. Trước đây người ta hay cắt giấy vàng bọc thành những ô vuông hay hình quả trám dán trên cổng, cửa, cột nhà, chuồng trâu, chuồng heo, cối xay, cối giã, lu nước, cây ăn trái trong vườn... Người ta cũng đem lư đồng ô trầu chén đĩa, ly tách chậu hoa, bình rượu ra đánh bóng, lau sạch.

Ngày Tết, ngày xuân là ngày hội đoàn tụ, đoàn viên, nếu không thì là những ngày nhớ thương da diết nhất. Trước tiên là nghĩ đến những người đã chết, họ tổ chức đi chạp mộ để tỏ lòng "uống nước nhớ nguồn". Chiều 23 tháng chạp, "đưa ông Táo về trời". Ngày 30 làm một mâm cơm cúng tổ tiên, gọi là lễ "rước ông bà" và sau đó đến ngày mồng 3 tháng Giêng thì làm lễ "đưa ông bà".

Người ta cũng dựng nêu, đốt pháo, nhưng lại thích gói bánh tết chứ không gói bánh chưng. Bánh tết có nhiều loại: bánh tết chay, bánh tết mặn, bánh tết ngọt.

Bánh tết chay không nhân. Người ta chỉ trộn đồ đen vào nếp rồi gói lại đem nấu. Có thể cho thêm vào cùi dừa nạo nhuyễn để tăng vị béo. Gói bánh tết mặn, người ta trải gạo nếp trên lá chuối, rải lớp đồ xanh lên, rồi đặt một thỏi mỡ gân bằng ngón chân cái dài suốt đòn bánh như một sợi bắc, xong cuộn tròn lại buộc chặt. Bánh tết ngọt nhân làm bằng đồ xanh xào đường.

Mâm cơm cúng tất niên chiều 30 tết, thường quy tụ đủ mặt mọi người thân trong gia đình. Tục xưa quan niệm rằng mỗi năm có một ông Hành Khiển coi việc nhân gian, hết năm thì thần nọ bàn giao cho thần kia, nên cúng tế, đốt pháo là để tiễn đưa ông cũ và đón ông mới. Trong số những câu liên treo ngày Tết có câu: "Bộc trúc nhất thanh trừ cựu tuế, Đào phù vạn hộ khánh tân xuân" (một tiếng pháo tiễn đưa năm cũ; muôn nhà, bùa đào tức cây nêu đón chào năm mới).

Giao thừa là thời điểm thiêng liêng giữa năm cũ và năm mới, khi đất - trời giao cảm, muôn vật như tạm thời ngưng đọng trong giây phút để rồi bùng ra một sức sống mới, một sự tái sinh kỳ diệu.

Ba ngày tết là ba ngày vui chơi, ăn uống, thăm viếng, chúc mừng nhau những điều mới mẻ, tốt lành. Một tập quán phổ biến là trong những ngày đầu năm, mọi người đều chỉ nói ra những lời hay, ý đẹp, gặp nhau chào mừng, hy vọng mọi điều như ý. Bao điều không vui, không vừa lòng năm trước đều bỏ đi.

Sách Gia định thành thông chí của Trịnh Hoài Đức, trong mục "Phong tục chí" có đoạn: "Phàm những khoản vay mượn thiếu thốn trong tiết ấy không được đòi hỏi, đợi ngày hạ nêu mới được nhắc đến.

Mông một người ta thường hay đến cúng vái và thăm hỏi những nhà bên họ nội, mông hai sang lễ tết bên nhà vợ và mông ba đến thăm thầy, vì thế có câu "Mông một tết cha, mông hai nhà vợ, mông ba nhà thầy". Khi đến thăm họ hàng, bạn bè, người ta thường chúc nhau mạnh khỏe, sống lâu, may mắn gọi là "làm tuổi", và "lì xì" tức là cho tiền vào phong bao giấy đỏ "mừng tuổi cho trẻ em".

Ở miền Nam, bốn món cúng và là bốn món ăn ngày Tết, món thứ nhất là thịt hầm. Bắt buộc phải là thịt bắp đùi, hầm cho nhừ với vài vị thuốc Bắc. Món này chỉ để ăn chơi chứ không ăn với cơm. Món thứ nhì là thịt kho tàu, bắt buộc phải là thịt ba rọi (ba chỉ) và bắt buộc phải lớn miếng phải to ít lắm cũng bốn phân trên bốn phân và bắt buộc phải đổ vào nồi thịt kho ấy ít lắm cũng một trái dừa xiêm, để cho món thịt kho ấy lạt đi, hầu ăn được to miếng. Món thứ ba là khổ qua nạo ruột dồn thịt heo băm nát vào đó rồi cũng hầm y như hầm món thịt nói trên. Món thứ tư thật ra là hai món nhưng chỉ để ăn chơi nên xem như một, đó là nem và bì. Rau chỉ có một thứ độc nhất và cũng bắt buộc, ấy là món dưa giá tức là giá sống ngâm trong nước có ít muối. Ăn bất kỳ món nào trong bốn món kể trên cũng bắt buộc ăn với dưa giá.

Những món trên đây chỉ cúng và ăn tới chiều mông hai thì thôi, sang ngày mông ba phải cúng và ăn món khác như gà, cá. Muốn cho đỡ ngấy vì thịt mỡ, người ta thường nấu một nồi cháo cá ăm, ăn với rau ghém, chuối cây xắt mỏng và các loại rau thơm, rau mùi, một con cá lóc nướng ăn với lá bông súng non hay ớt vùng.

Ngày tết thường có nhiều trò vui đặc biệt như đá gà, đá cá lia thia, thi cây kiểng, đu tiên, đua ghe, đánh bài, đánh me và xóc đĩa...

Sau ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, bà con miền Nam được ăn tết trong hòa bình, hạnh phúc. Những lễ tục phiền toái, lãng phí xa hoa, tốn kém thời giờ và tiền của, hoặc mang tính chất mê tín, dị đoan, những trò chơi đỏ đen có tính chất ăn thua, đều được nhân dân tự giác loại bỏ. Quan niệm kéo dài ngày vui chơi để bù lại quanh năm vất vả "tháng giêng ăn Tết ở nhà" cũng được sửa đổi để phù hợp với nhịp điệu khẩn trương của xã hội hiện đại. Nhưng không phải vì thế mà những nét đẹp cổ truyền đậm đà màu sắc dân tộc cũng như không khí vui tươi phấn khởi rộn rịp mang ý nghĩa mới chúc nhau lao động sáng tạo, tăng thêm sức khỏe, niềm vui của ngày Tết lại giảm đi.

Minh Vũ (Xuân - Việt Nam Kinh tế - Xã hội - Số 1.1997)

Những Tết Xưa

Thọ Cao

Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ.
Cây nêu, tràng pháo, bánh chưng xanh.

Câu đối đỏ mới chỉ phản ánh hương vị tết xưa ở các vùng nông thôn nước ta. Chứ người Tràng An ăn Tết còn cầu kỳ hơn nhiều, theo đúng phong tục cổ truyền của ông cha. Những Tết xưa mang đậm màu sắc riêng của đất Kinh kì cổ kính.

Những ngày giáp Tết, khung cảnh nhộn nhịp khác thường. Phố Hàng Bồ hai bên hè các cụ đồ nho đội khăn xếp, mặc áo the thâm, ngồi viết thuê câu đối lên những đôi liễn dài hoặc giấy hồng điều. Phố Hàng Dép bày guốc tre, guốc gỗ, guốc phi mã, giấy da, giấy nhung, giấy cườm, nổi bật là các loại tranh dân gian làng Đông Hồ, Hàng Trống vẽ gà, lợn, đám cưới chuột, húng dừa, đánh ghen... in bằng phẩm điều, phẩm lục. Cổng chéo Hàng Lược, gần cầu Phụng Hưng, đầu phố Chả Cá, sang phố Hàng Đường, Hàng Khoai... rực rỡ đào bích, đào phai, cúc vàng, cúc trắng, quất trĩu quả, mấy phố gần đấy, bán thủy tiên gọt sẵn, chậu trổ hoa, đặt trong bát nước, cả hương thê, hương vòng, hương trầm, nến trắng, nến đỏ. Phố Hàng Đường chẳng thiếu loại mứt gì, có thêm kẹo sù châu, hồng tàu, táo tàu khô. Phố Hàng Đào, Hàng Ngang đầy ắp tơ lụa, len, dạ, lĩnh, kếp, sa tanh... mới cất về. Thợ kim hoàn phố Hàng Bạc cặm cụi làm đồ nữ trang bằng vàng. Thợ may phố Hàng Điều may áo dài, áo bông suốt ngày đêm.

Nhà nào cũng tấp nập sửa soạn. Đàn ông, con trai lớn thu dọn nhà cửa, quét vôi, đánh bóng đồ đồng, treo tranh, câu đối mới, lau quét bàn thờ tổ tiên, bày phật thủ, cam Bố Hạ, bưởi Đoan Hùng, chuối ngự Nam Định, quất Tứ Liên lên khay ngũ quả, dâng lên trời đất, tổ tiên, ông bà để tỏ lòng thành kính "ăn quả nhớ người trồng cây". Các bà, các cô lo việc ăn Tết. Vại dưa hành muối từ tháng chạp, thứ dưa Tây Hồ lá cuộn tròn, thứ hành ngọt dịu Gia Lâm bên sông Hồng. Gạo Mễ Trì và gạo tám thơm nấu bằng nồi đất mới dẻo. Xôi phải kén thứ nếp hương vùng Cẩm Giàng, Hải Dương. Hợp khẩu vị, đúng cổ tục, phải chọn gà trống thiện Đông Cảo, cá chép béo Hồ Tây, nem Lạng Sơn hay nem Phụng, Lạp Sườn Tân Phúc Điều, Hàng Buồm, chả quế làng Vẽ, giò lụa Đồ Mãng (ở đầu phố Phụng Hưng), nước mắm Vạn Vân, Phú Quốc. Nấm cổ bát, kén măng khô Phú Thọ, nấm hương Thái Nguyên, miến Tàu...

Ngày 23 tháng chạp, nhà nào cũng tiễn ông Táo lên châu trời. Trên bàn thờ có ba chiếc mũ mới bằng giấy: một màu vàng ở giữa, hai màu đen ở hai bên - tức hai ông, một bà - không có cổ mặn, chỉ cúng hương hoa, sau có con cá chép đang bơi trong chậu thau, cúng xong đem thả ở hồ Tả Vọng (hồ Hoàn Kiếm ngày nay).

Nhân dịp năm mới, cha mẹ cho con đến nhà lễ tết thầy cô giáo, sang thì gà gạo, chai rượu, hộp bích quy Pháp, vừa phải thì cân mứt sen, mứt lạc, hồng tàu, táo tàu khô, đường phèn, chục cam Xã Đoài, cốt ở tấm lòng tôn sư trọng đạo.

Trước Tết dăm ba ngày, nhiều cửa hiệu đã đóng cửa, nghỉ. Chiều 30, thấy hai bên phố treo cành đa, lá dứa, vẽ cung tên bằng vôi trên hè trừ ma quỷ. Các xã ngoại thành trồng cây nêu trước sân nhà - cây tre nhỏ đủ lá, ngọn cao khoảng 3m trên ngọn buộc lá bùa bát quái vẽ trên giấy hồng điều, một lá phướn bằng vải đỏ viết 4 chữ nôm "Thiên hạ thái bình" và những chiếc khánh bằng đất nung gặp gió, va vào nhau kêu lanh canh. Chân nêu vẽ cung tên bằng vôi chĩa ra phía cổng, ngăn chặn hung thần.

Ngày 29, 30 nhà nào cũng bận gói bánh chưng, nấu chè đỗ đãi, làm các loại bánh đặc biệt Hà Nội: bánh quế, bánh bẻ, bánh củ cải, bánh thạch... và làm đồ cúng gia tiên. Ngoài thịt gà luộc, giò, chả, Lạp Sườn, trứng muối, cá chép kho giềng mật, thịt kho tàu, còn có mấy bát bóng cá dưa, mực khô thái nhỏ, miến tàu, thịt ba chỉ ninh với măng khô, nhà sang có thêm mấy bát bào ngư, vây cá, yến. Bên cạnh đặt chai rượu cúc, rượu Mai Quế Lộ hoặc rượu trắng nổi tiếng của làng Hoàng Mai, tuần hương sắp tàn, pha nước cúng, thứ trà ướp hương sen, hương thủy tiên, tuần hương tắt hẳn mới hạ cỗ xuống, cả nhà ngồi quây quần bên mâm cơm, con cháu mời ông bà, cha mẹ, mới cầm đũa.

Giữa đêm năm cùng tháng tận, tai họa giáng xuống đầu nhà nghèo, chủ nợ cho người đến réo ở cửa phải trốn biệt, người nhà chủ nợ bắt đi cái gì có thể bắt được, thậm chí cả bát hương ông bà cha mẹ. Ở xóm ổ chuột, găm cầu, những người khốn khổ không có nổi nén hương cúng tổ tiên. Bởi vậy tháng củ mật giáp Tết, trộm cướp như rươi, chẳng kém gì ở nông thôn.

Rồi giao thừa đến. Chuông trống đền chùa khua vang. Giữa giờ phút thiêng liêng của đất Kinh kì vào xuân, nhà nào cũng đốt đèn nến, thắp tuôn hương mới, khăn vái tổ tiên phù hộ cho khỏe mạnh buôn bán phát tài, con cái học hành tấn tới. Rất nhiều nhà còn đặt mâm lễ ngoài trời để cúng vái tạ ơn quan cũ về trời, đón mừng quan mới vừa tới. Nhìn vào hai cốc pha lê đặt thủy tiên, hôm qua hoa còn hàm tiếu, giờ đã nở đúng giao thừa, tỏa hương thơm ngát, coi như thế là điềm lành cho cả năm.

Cúng gia tiên đủ ba ngày Tết, buổi sáng cúng cỗ mặn với những món đã làm sẵn, buổi chiều bánh mứt và pha trà mới, chiều mừng ba hóa vàng. Có nhà làm bún thang, đã trữ sẵn cả cuống, củ cải giăm, tôm he... hoặc làm cuốn phải có giăm trưng với mặt, lạc rang.

Sáng mồng một, những người giàu có, đông con, giàu lòng nhân ái vui vẻ đến xông nhà và chúc Tết nhà ai, nhà đó coi như cả năm làm ăn phát đạt. Bên chén trà đầu xuân, khách và chủ nói chuyện làm ăn, buôn bán, chuyện văn thơ, khai bút...

Cứ thế, ba ngày Tết, ai cũng mặc đẹp, đi chúc Tết, không quên mừng tuổi cho các cháu nhỏ. Và trong ba ngày Tết, mọi nhà đều giữ phong tục kiêng quét nhà hốt rác bởi nét hốt rác là đổ của đi nên không ai dám vứt rác bừa bãi. Từ mồng mười tháng chạp đến rằm tháng giêng, các rạp Sân Nhiên Đài, Quảng Lạc, Nhật Tân Ban thường chỉ diễn vở lành nhiều, dữ ít như Kiều, Phan Trần, Quan Âm - Thị Kính. Các bà, phần lớn là tiểu thương ở các chợ, thường vào xem giữa chừng và chỉ xem vài cảnh rồi ra ngoài đặt tiền, nhờ ông thầy đoán hộ xem vận may năm tới ra sao. Đó là bói tuồng.

Sau ba ngày Tết, các cửa hiệu chọn ngày tốt, cúng ông tiền chủ, để mở cửa hàng lấy may. Còn các chủ hiệu, chủ xưởng, công chúc thì kéo nhau xuống Khâm Thiên nghe hát ca trù đầu xuân, thả mình theo lời ca tiếng đàn, nhịp phách du dương, trầm bổng.

Hôm nay, trong không khí chuẩn bị đón mừng xuân Kỷ Mão giữa đời sống kinh tế, văn hóa phát triển của Hà Nội thời đổi mới, nhớ lại những Tết xưa mà sợ cái tiếng pháo đốt long trời, lở đất từ đêm giao thừa đến ba ngày Tết, rồi đốt liên miên đến tận ra giêng. Đốt pháo vừa tốn tiền, vừa làm ô nhiễm môi trường, chưa kể còn gây tai hại rất thương tâm.

Gần chục năm nay, người Hà Nội và cả nước, nghe theo lệnh của Thủ tướng Chính phủ, bỏ tục đốt pháo lâu đời đã trở thành quen. Bạn thử ước tính cả nước không đốt pháo, đã tiết kiệm được bao nhiêu tiền, mỗi dịp xuân về, Tết đến?

(Tạp chí Xây dựng - số 2/1999)

Trời và đất trong tín ngưỡng của người Tày, Nùng

Hai dân tộc Tày và Nùng ở Lạng Sơn quan niệm rằng: phong tục và tín ngưỡng của dân tộc mình như hệ giá trị và chuẩn mực xã hội. Trong cuộc sống, người Tày và người Nùng nhận thức và hành động theo tình cảm và theo phong tục truyền thống của dân tộc họ. Các phong tục được biểu hiện thường xuyên trong đời sống văn hóa - xã hội, trong tín ngưỡng, trong nghệ thuật, lễ hội truyền thống. Ngoài ra, phong tục và tín ngưỡng còn được thể hiện lên những bộ tranh đều mô tả những hoạt động diễn ra hằng ngày trong cuộc sống. Đó chính là cách ứng xử của từng cá nhân, hoặc cộng đồng đối với thiên nhiên và xã hội. Điều đó được coi là sự hiểu biết, là trí khôn và những đúc kết kinh nghiệm trong quá trình hình thành đời sống của con người.

Những nghi lễ, phong tục truyền thống có ảnh hưởng sâu sắc tới tín ngưỡng của hai dân tộc Tày và Nùng. Cũng như những dân tộc khác ở Lạng Sơn, họ cùng chịu ảnh hưởng của Nho giáo, Phật giáo và Lão giáo, nhưng ở mức độ đậm nhạt khác nhau. Người Tày và người Nùng tin là có rất nhiều thứ thần thánh và ma quỷ, được gọi chung là phi. Phi có trên trời, mặt đất và âm phủ. Thí dụ:

- Phi phạ ở trên trời. .
- Phi đông ở trong rừng. .
- Phi pấu pú chính là tổ tiên.

Mới đầu là sự sợ sệt, sùng bái cái sức mạnh mơ hồ trong vũ trụ, sau đó họ tiến đến sùng bái cả trời đất, cây cỏ, núi sông, rồi sùng bái cả loài vật. Khi đó con người chưa có sự phân biệt rõ ràng giữa thần thánh và con người. Họ đứng trước thiên nhiên hùng vĩ, sự mênh mông chứa đầy bí hiểm và sức mạnh, như mặt trời, mặt trăng, những vì tinh tú như sao kim, sao hỏa, sao mộc, sao thủy, sao thổ, hoặc sấm sét, mưa bão, v.v... Đã bao phen làm cho con người sợ hãi. Từ đó, nhiều câu hỏi "tại sao" được đặt ra và không tài nào giải thích nổi. Cuối cùng, câu giải đáp đối với những hiện tượng mạnh mẽ vô cùng ấy của tự nhiên đối với họ là sức mạnh của thánh và thần, ma và quỷ.

Tất cả thành, thần, ma, quỷ đó được chia làm hai loại: lành và dữ. Lành là Ngọc Hoàng thượng đế, Phật Bà Quan âm, Thần Nông, Bụt Luông, Mé Hoa (mẹ BJoóc), Tổ tiên, Thần mụ, Thần Bếp, Thần Bản... Tất cả những vị thần đó thường được thờ những nơi trang nghiêm, công cộng như: bàn thờ, đền, chùa, miếu... để bảo vệ người, gia súc, mùa màng, sẵn sàng giúp con người trừ diệt các loại tà ma, quỷ quái. Các vị thường ban phúc lành cho con người, trừng phạt ai đó làm điều ác, gian, tham.

Thần dữ như: ma rừng, sấm, sét, luồng luồng, yêu tinh, quỷ dữ... chuyên hại người và hại mùa màng. Trong các làng bản dân tộc Tày và Nùng thường thờ các vị thần linh như: thổ công, thổ địa, thành hoàng, thờ Phật Bà Quan âm, thờ Thần Nông, Thần Mưa, Thần Gió, v.v. Trong gia đình, ngoài việc thờ tổ tiên, họ còn thờ các vị Phật, Thánh khác như: Ngọc Hoàng thượng đế, Phật Bà Quan âm (thường đặt trên bàn thờ tổ tiên). Thờ ngũ hổ (thường đặt dưới bàn thờ tổ tiên). Sở dĩ ban thờ được đặt chồng nhau ba bốn tầng như vậy là theo quan niệm: ban thờ là nơi tượng trưng cho tổ tiên, xã hội, vũ trụ, trời và đất. Do vậy, ban thờ thường để ở gian giữa - là nơi trang nghiêm nhất để nhìn ra cửa chính. Riêng ở Chi Lăng, Bắc Sơn (Lạng Sơn) ban thờ để ở gian đầu hồi. Khách lạ và nữ giới cần tránh nơi linh thiêng ấy. Ban thờ không chỉ do gia chủ đặt, mà phần lớn các thầy mo, then được mời đến cúng lễ nhà mới, cầu phúc, cầu an, chọn ngày, chọn giờ để đặt ban thờ và bát hương. Những việc này, người Tày và người Nùng gọi là "An phi".

Hai dân tộc Tày và Nùng ở Lạng Sơn, cũng như các lệ mang sắc thái văn hóa tín ngưỡng cũng là điều dễ hiểu. Ngay từ thuở sơ khai cho tới ngày nay, người ta đã coi núi sông, đất đá, những vì tinh tú, mặt trăng, mặt trời, cây cỏ đều mang tính thiêng liêng, có linh hồn trong đó. Đứng trước sự vận hành của vũ trụ, họ nhận thấy con người thật bé nhỏ trước thiên nhiên bao la, do vậy mà họ coi "vạn vật hữu linh". Vì thế, họ thường mượn những câu chuyện huyền thoại và những lễ thức trong các lễ hội truyền thống để biểu thị tín ngưỡng và tôn giáo, về đời sống văn hóa - xã hội của họ, dân tộc mình. Hơn nữa, họ coi đồ vật cũng có linh hồn, có thần linh ẩn nấp bên trong, do đó đã có vô số đồ vật được thờ phụng. Điều đó coi như những lý giải đơn giản về cuộc sống, về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên và xã hội. Nó giúp con người (ít nhất về tư tưởng và tâm lý) hoàn thiện bản thân, thúc đẩy đời sống đi lên. Nói cho cùng tất cả những điều đó đều hướng tới sự khuyến thiện, trừ ác trong thiên nhiên, trong xã hội, mà con người là nhân tố tích cực tham gia quá trình cải tạo tự nhiên, cải tạo xã hội và cải tạo chính mình.

(Nhân dân 18/7/1999)

Ý Nghĩa Của Tục Thả Điều

Thả điều là một trò chơi thú vị, hấp dẫn, có từ lâu đời. Những năm gần đây, điều được phục hồi và cải tiến, xuất hiện nhiều kiểu, nhiều vẻ, rất đẹp mắt. Nhiều địa phương tổ chức thi điều, triển lãm điều, thu hút đông người tham dự. Nhưng, điều không chỉ là một trò chơi mà còn là một phong tục cổ truyền có nhiều ý nghĩa sâu xa.

Tục thả điều phổ biến ở nhiều nước Đông Nam á từ Thái Lan, Campuchia, Lào, Nam Trung Quốc (vốn thuộc cơ tầng văn hóa Đông - Nam á), Việt Nam cho đến các nước Đông - Nam á hải đảo. Một tài liệu có niên đại 972 ghi rằng các vật thờ của người Khmer cổ gồm có chén, đĩa, nhạc cụ, lao và năm chiếc điều. Cũng ở Campuchia, xưa kia, khi có gió mùa đông Bắc, các nhà sư thường thả một hoặc hai chiếc điều bay lơ lửng trên các chùa. Điều có gắn công cụ phát ra âm thanh. Việc thả điều có ý nghĩa cầu sự bình yên tốt lành. Hễ có chiếc điều bị rơi, nhà chùa phải làm lễ xua đuổi tà ma và cầu an.

Điều còn là một phong tục của vua chúa. Ban đêm vào kỳ sáng trăng, vua và quần thần thả điều coi như là những vật dâng các đấng thần linh. Họ quan niệm tục thả điều là lễ cúng chiếc răng của Phật được cất giữ ở vương quốc của rắn thần Naga. ở Thái Lan, đôi khi người ta gắn vào điều một ngọn đèn tượng trưng cho ngôi sao và cũng có người đã ghép vào điều một mẩu vàng, để giữ cho dây điều khỏi đứt và phải kéo nó về nếu nó rơi xa. Vì vậy, vào dịp triều đình thả điều, nhà vua phải ở ngoài trời suốt hai tháng và các quan phải theo dõi cẩn thận để cùng vua giữ cho điều khỏi đứt dây.

ở Thái Lan còn có tục đấu điều. Nhà vua trực tiếp tham dự cuộc đấu này. Người ta bố trí làm hai phe, điều được gọi là Kula, điều cái là Pắc kao. Điều được có nhiệm vụ làm đứt dây điều của đối phương. Điều cái có hình dáng nhỏ và thon theo hình thoi, có đính những dải dài để quấn quanh dây của điều đực, nhằm bảo vệ mình, hạn chế sức công phá của điều đực.

Điều giấy là biểu trưng của loài chim ăn thịt. Nhiều tộc có người có tên điều giấy trùng với tên loại chim nói trên. ở Campuchia, điều giấy và chim điều đều là Khlen, người Chăm gọi là Kalan, người Mông gọi là Khang, người ÊĐê gọi là Rlang.... Cụ thể ở Việt Nam điều giấy và chim điều vừa là đồng âm vừa là cùng nguồn gốc. ở Trung Quốc cũng vậy.

Chim điều là loại bay lên trời, đối lập với loài dưới nước. Điều ở nơi cao ráo, đối lập với nơi ẩm thấp. Con điều được coi là sứ giả đem lại sự khô ráo. Tục thả điều chủ yếu được thực hiện sau mùa mưa, cầu mong tạnh ráo, cầu gió mát trăng thanh. Lúc bấy giờ nông nghiệp cần khô ráo để thu hái, phơi phóng.

Chùm điều mà hiện thân nhân tạo của nó là điều giấy được đặt trong sự đối lập Chim - Cá, Trời - Nước, Khô - ẩm là những đặc điểm trong hệ thống đặc điểm của nền văn minh các tộc người Đông - Nam á. Các đặc điểm gồm:

- Các tổ chức xã hội thành hai bộ phận ngoại hôn với những vật tổ đối lập nhau, một bên là các động vật sống nơi khô cạn, bên kia là động vật sống nơi ẩm ướt hoặc sống ở nước. Mở đầu lịch sử của Campuchia là triều đại Mặt trăng của Rắn thần Naga, đối với bên kia là triều đại Mặt trời của Chim thần Garuda.

- Hát giao duyên nam nữ và việc tính giao theo mùa liên quan đến truyền thuyết về ngôi tháp và vì sao buổi sáng. Truyền thuyết này trong mối liên quan đến hát giao duyên lưu truyền rộng rãi ở Campuchia, Thái từ Nam Trung Quốc cho đến Giava.

- Các huyền thoại đặt nền móng trên sự hướng lập Khô-ẩm, Chim-Rắn. ở người Mường trong lễ diễn xướng mo có một vật thiêng trên đó vẽ hai vật biểu tượng chim và cá... Truyền thuyết Lạc Long Quân - Âu Cơ của người Việt ghi dấu quan niệm lưỡng lập giữa hai bộ tộc thủy tổ thờ hai vật tổ đối lập nhau. Rồng-Rắn (thuộc về Nam) và Chim Âu (thuộc về nữ)

Có rất nhiều dân tộc Đông-Nam á có huyền thoại tương tự như trên.

- Hội đua thuyền mang tính chất lưỡng lập gồm một bên là thuyền chim có đầu chim và đuôi chim, đối với bên kia là thuyền có đầu cá, đuôi cá.

- Và đặc biệt là tục thả diều với quan niệm lưỡng lập Chim-Rắn, Khô-ẩm, cầu cho ưu thế của Chim và của Khô ráo (đã trình bày ở trên).

Quan niệm lưỡng lập được rút ra từ toàn bộ hoạt động thực tiễn của đời sống kinh tế - xã hội, với nền văn minh sông nước, việc trồng cấy lúa nước và trở thành tư tưởng quán xuyến của huyền thoại, lễ tiết và cấu trúc xã hội ở Đông-Nam á. Có thể nói lưỡng lập là một trong những nền tảng tư duy của văn minh Đông-Nam á. Người Trung Quốc đã tổng kết lý thuyết này dưới dạng triết học về sự đối lập và hòa hợp âm dương. Nó được trình bày một cách chắc chắn lần đầu tiên trong Hy Tử, có thể được hoàn thành vào cuối thế kỷ 5, trước Công nguyên. Lý thuyết lưỡng lập của nền văn minh Đông-Nam á có lẽ hình thành từ thời tiền sử xa xưa.

Khuếch trương việc chơi diều là một việc làm đáng hoan nghênh. Nhưng bên cạnh việc coi nó như một trò chơi, cần phải tìm hiểu ở đây chiều sâu tâm nguyện của nhân dân, ý nghĩa triết học chứa đựng trong đó, cơ sở tư tưởng của nền văn minh Việt Nam (trong Đông-Nam á). Như vậy chúng ta thấy rõ hơn bản sắc văn hóa dân tộc qua phong tục truyền thống này.